TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-PT
Ngày 16 - 01 - 2019
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Cao Thị Túy Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Kim Q, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Cẩm D, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Dương Thị Kim Q, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Kim Q trình bày: Giữa chị và chị Lê Thị Cẩm D có giao dịch vay tài sản và chơi hụi, cụ thể như sau: Ngày 15/10/2014 (âm lịch) chị D vay tiền ngày của chị là 15.000.000 đồng, lãi suất mỗi ngày là 150.000 đồng, chị D đã đóng lãi cho chị được 18 tháng với số tiền là 81.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc. Ngày

01/12/2014 (âm lịch), chị D tiếp tục vay tiền ngày của chị là 15.000.000 đồng, chị D đã đóng lãi cho chị được 18 tháng với số tiền là 81.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc.Ngày 08/8/2016 (âm lịch), chị D vay tiền góp của chị là 25.000.000 đồng, thời hạn góp là 02 tháng (60 ngày), chị D góp được 16 ngày với số tiền là 8.000.000 đồng thì không góp nữa. Ngày 25/02/2015 (âm lịch), chị tham gia 04 chưng hụi do bà Hồ Kim T làm chủ hụi, loại hụi 500.000 đồng, 15 ngày mở hụi một lần, gồm bao nhiêu chưng thì chị không nhớ; chị đã hốt 04 chưng hụi này để cho chị D mượn số tiền 33.000.000 đồng; tới kỳ hụi (15 ngày) chị D phải đưa tiền cho chị để đóng 04 chưng hụi chết là 800.000 đồng và đến mãn hụi thì phải trả cho chị bằng 04 chưng hụi chết hốt cuối kỳ là 66.400.000 đồng; sau đó chị D có đưa tiền cho chị đóng hụi vài kỳ nhưng chị không nhớ chị D đã đưa cho chị số tiền bao nhiêu. Nay chị yêu cầu chị D trả cho chị số tiền vay là 113.400.000 đồng. Chị không đồng ý điều chỉnh lãi suất để đối trừ phần nợ gốc và lãi của chị D.

Bị đơn chị Lê Thị Cẩm D trình bày: Chị thừa nhận có giao dịch vay nợ với chị Q gồm 02 khoản vay tiền ngày và 01 khoản vay tiền góp, tổng cộng là 55.000.000 đồng như lời trình bày của chị Q. Đối với tiền hụi thì chị D hốt 04 chưng hụi và cho chị mượn số tiền là 31.500.000 đồng, khi chị Q hốt hụi thì chị yêu cầu trả số nợ gốc của hai khoản vay tiền ngày là 30.000.000 đồng, nhưng chị Q không đồng ý mà trừ vào phần nợ lãi. Đối với 02 khoản vay tiền ngày 15/10/2014 (âm lịch) và ngày 30/11/2014 (âm lịch) thì chị đã đóng lãi cho chị Q 18 tháng với tổng số tiền lãi là 162.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả nợ vay gốc cho chị Q là 47.000.000 đồng và số tiền hụi là 66.400.000 đồng, tổng cộng là 113.400.000 đồng; nhưng chị yêu cầu điều chỉnh lãi suất đối với khoản vay 47.000.000 đồng theo quy định của pháp luật; nếu sau khi điều chỉnh lãi suất và đối trừ nợ mà còn dư thì chị không yêu cầu nhận lại.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim Q đối với chị Lê Thị Cẩm D với số tiền 113.400.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim Q đối với chị Lê Thị Cẩm D với số tiền 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn chị Dương Thị Kim Q kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc chị Lê Thị Cẩm D trả cho chị Q số tiền 113.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Kim Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Dương Thị Kim Q nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của chị Dương Thị Kim Q, Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị Dương Thị Kim Q và chị Lê Thị Cẩm D thống nhất xác định hai bên có giao dịch vay mượn tiền với nhau, nhưng không có làm giấy tờ gì, cụ thể: Ngày 15/10/2014 (âm lịch) chị D vay tiền ngày của chị Q là 15.000.000 đồng, chị D đã đóng lãi là 81.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc; ngày 01/12/2014 (âm lịch), chị D vay tiền ngày của chị Q là 15.000.000 đồng, chị D đã đóng lãi là 81.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc; ngày 08/8/2016 (âm lịch), chị D vay tiền góp của chị Q là 25.000.000 đồng, chị D góp được số tiền là 8.000.000 đồng. Chị Q xác định chị hốt 04 chưng hụi để cho chị D mượn 33.000.000 đồng, đến kỳ hụi chị D phải đưa tiền cho chị đóng lại hụi chết và chị D phải trả cho chị 04 chưng hụi đã mãn ở cuối kỳ bằng số tiền 66.400.000 đồng; chị D xác định chỉ mượn của chị Q 31.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị Q yêu cầu chị D trả nợ gốc đối với các khoản vay số tiền là 47.000.000 đồng và số tiền hụi 66.400.000 đồng thì chị D đồng ý trả cho chị Q. Cấp sơ thẩm ghi nhận ý chí tự nguyện này của chị D là đúng quy định của pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, chị D yêu cầu tính lại lãi suất do chị đã đóng lãi cho chị Q quá cao với tổng số tiền lãi là 162.000.000 đồng, chị Q thừa nhận chị D đã đóng lãi cho chị số tiền 162.000.000 đồng. Xét thấy: Tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Như vậy, mức lãi suất tối đa chị D phải đóng cho chị Q là 13,5%/năm, lãi suất được tính lại đến ngày xét xử sơ thẩm (22/10/2018) như sau:

Khoản vay 15.000.000 đồng ngày 15/10/2014 âm lịch (ngày 06/12/2014 dương lịch) là: 15.000.000 đồng x 1.411 ngày x 0,0375%/ngày = 7.936.875 đồng. Khoản vay 15.000.000 đồng ngày 01/12/2014 âm lịch (20/01/2015 dương lịch) là:

15.000.000 đồng x 1.367 ngày x 0,0375%/ngày = 7.689.375 đồng. Khoản vay 17.000.000 đồng ngày 08/8/2016 âm lịch (ngày 08/9/2016 dương lịch) là: 17.000.000 đồng x 774 ngày x 0,0375%/ngày = 4.934.250 đồng. Tổng tiền lãi chị D phải đóng cho chị Q là 20.560.500 đồng. Như vậy, tổng nợ gốc và lãi chị D phải trả cho chị Q là 133.960.500 đồng; nhưng chị D đã đóng lãi cho chị Q số tiền 162.000.000 đồng; sau khi đối trừ nợ thì chị Q phải trả cho chị D số tiền lãi đã đóng còn dư là 28.039.500 đồng, nhưng chị D không yêu cầu chị Q trả lại. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q và ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D là đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Kim Q; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, chị Dương Thị Kim Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Kim Q. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim Q đòi chị Lê Thị Cẩm D trả số tiền 113.400.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim Q đòi chị Lê Thị Cẩm D trả số tiền 8.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Dương Thị Kim Q phải nộp 5.670.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Chị Dương Thị Kim Q đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.035.000 đồng theo biên lai thu số 0004083 ngày 19/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu

được chuyển thu án phí. Chị Dương Thị Kim Q còn phải nộp tiếp số tiền 2.635.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Dương Thị Kim Q phải nộp 300.000 đồng. Chị Dương Thị Kim Q đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0014496 ngày 05/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng